

Số: /QĐ-UBND

Đức Phổ, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành: Lập
điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Đức Phổ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy
định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Trưởng Bộ
Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Căn cứ Công văn số 2096/UBND-TCKH ngày 11/7/2023 của UBND thị xã
Đức Phổ về thống nhất chủ trương lập Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến
năm 2030 thị xã Đức Phổ;*

*Căn cứ Quyết định số 6374/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Chủ tịch
UBND thị xã Đức Phổ về việc phê Đề cương, nhiệm vụ và dự toán Điều chỉnh
Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Đức Phổ;*

*Căn cứ Quyết định số 6589/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của Chủ tịch
UBND thị xã Đức Phổ về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thực
hiện lập Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Đức Phổ;*

*Xét Tờ trình số 103/TTr-NNMT ngày 19/5/2025 của Phòng Nông nghiệp và
Môi trường về việc thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành dự án:
Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Đức Phổ;*

*Theo đề nghị của Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã tại Báo cáo kết quả
thẩm tra số liệu quyết toán công trình hoàn thành số: 58/BC-TTQT ngày
03/6/2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

1. Tên dự án: Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã
Đức Phổ.

2. Chủ đầu tư: Phòng Tài nguyên và Môi trường (nay Phòng Nông nghiệp
và Môi trường thị xã).

3. Địa điểm xây dựng: Trên địa bàn thị xã Đức Phổ.

4. Thời gian khởi công: 18/12/2023; Thời gian hoàn thành: 25/4/2025.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số		5.579.249.000	4.088.307.545
1	Chi phí trong đơn giá:	4.565.579.580	3.256.439.000
2	Chi phí ngoài đơn giá:	763.696.949	585.270.545
3	Chi phí kiểm tra nghiệm thu:	185.555.427	182.181.000
4	Chi phí thẩm tra quyết toán:	30.518.023	30.518.000
5	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT:	21.624.245	21.624.000
6	Chi phí khác	12.275.263	12.275.000

2. Vốn đầu tư

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Thực hiện			
			Giá trị phê duyệt quyết toán được duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7
	TỔNG SỐ	5.579.249.000	4.088.307.545	3.558.054.508	530.253.037	
1	Ngân sách thị xã	5.579.249.000	4.088.307.545	3.558.054.508	530.253.037	

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư

ĐVT: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
TỔNG SỐ	4.088.307.545			
- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	4.088.307.545			
- Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không

5. Vật tư bị tổn động (nếu có): Không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư công trình là:

DVT: đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số		4.088.307.545	
1	Ngân sách thị xã	4.088.307.545	

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày 19 tháng 5 năm 2025.

Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

Tổng nợ phải trả: 530.253.037 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

DVT: đồng

TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
1	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	4.088.307.545	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Không.

4. Các nghiệp vụ thanh toán khác: Không.

Điều 4. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về số liệu trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán, đảm bảo chính xác, hiệu quả vốn đầu tư; Trường hợp thất thoát lãng phí chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6: Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã; Trưởng các Phòng: Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng Phòng Giao dịch số 22 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XII và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Lưu: VT.TC-KH_{Ntthanh}

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lý

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của
Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung công việc	Tên chủ nợ hoặc khách nợ	Nợ phải trả	Nợ phải thu
		Tổng cộng	530.253.037	
1	Lập Quy hoạch	Trung tâm Trắc địa và Quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ngãi	250.259.037	
2	Công bố quy hoạch	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	41.950.000	
3	Thẩm định, xét duyệt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	207.526.000	
4	Thẩm tra quyết toán	Phòng Tài chính – Kế hoạch	30.518.000	